

# **Đề cương tuyên truyền Kỷ niệm 250 năm ngày sinh và vinh danh Danh nhân văn hóa thế giới - Đại thi hào Nguyễn Du**

## **1. Về thân thế, sự nghiệp Đại thi hào Nguyễn Du**

Nguyễn Du (1765-1820), tên chữ là Tố Như, hiệu Thanh Hiên, sinh tại kinh thành Thăng Long. Cha là Hoàng giáp Nguyễn Nghiễm (1708-1776), làm quan đến chức Tham Tụng (Tể tướng) dưới triều Lê, mẹ là bà Trần Thị Tần quê ở Kinh Bắc.

Năm Tân Mão (1771), Nguyễn Nghiễm thôi giữ chức Tể tướng, Nguyễn Du theo cha về quê, đến năm 13 tuổi thì mồ côi cả cha lẫn mẹ. Năm 1783, Nguyễn Du thi đậu Tam trường, được tập ấm một chức quan võ của người cha nuôi họ Hà (Hà Mỗ) ở Thái Nguyên. Sau đó, Nguyễn Du lấy vợ là bà Đoàn Thị Huệ, người làng An Hải, huyện Quỳnh Côi, trấn Sơn Nam (nay là tỉnh Thái Bình) con gái của tiến sỹ Đoàn Nguyễn Thục. Năm Mậu Thân (1788), khi Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế lấy hiệu Quang Trung, Nguyễn Du lánh về nhà anh vợ là Đoàn Nguyễn Tuấn tại Thái Bình.

Mười năm ở quê vợ là quãng “*Mười năm gió bụi*”, bao cảnh cơ hàn, bần cực đã đến với Nguyễn Du. Khi bố vợ là Đoàn Nguyễn Thục mất, người con trai lớn mất, Nguyễn Du cùng người con trai nhỏ Nguyễn Tứ về quê cũ ở xã Tiên Điền. Trở lại quê, dinh cơ của cha đã tan hoang, anh em đôi ngã, Nguyễn Du thốt lên “*Hồng Lĩnh vô gia huynh đệ tán*” (trở về Hồng Lĩnh, gia đình không còn, anh em lưu tán). Nguyễn Du được bà con họ tộc chia cho mảnh đất tại thôn Thuận Mỹ làm nhà ở. Và cũng từ đây, Nguyễn Du có biệt hiệu “*Hồng Sơn liệt hộ*” (người đi săn ở núi Hồng) và “*Nam Hải điều đồ*” (người câu cá ở bể Nam).

Mùa đông năm Bính Thìn (1796), Nguyễn Du định trốn vào Gia Định theo Nguyễn Ánh, bị tướng Tây Sơn là Nguyễn Thận bắt giam và nhờ có anh là Nguyễn Nễ nên được tha. Năm Nhâm Tuất (1802), Gia Long lên ngôi, Nguyễn Du được bổ làm Tri huyện Phù Dung (phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam); tháng 11 làm Tri phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam (tỉnh Hà Tây). Năm Quý Hợi (1803), được cử cùng phái bộ nghênh tiếp sứ thần nhà Thanh sang sắc phong cho vua Gia Long. Mùa thu năm Giáp Tý (1804), Nguyễn Du cáo bệnh về quê. Năm Ất Sửu (1805), được thăng Đông Các Đại học sỹ, tước Du Đức hầu (hàm ngũ phẩm). Tháng 9 năm Đinh Mão (1807) giữ chức giám khảo thi Hương ở Hải Dương, sau xin về quê. Năm Kỷ Ty (1809), ông giữ chức Cai Bạ tỉnh Quảng Bình. Tháng 9 năm Nhâm Tuất (1812), Nguyễn Du xin nghỉ về quê 2 tháng để xây mộ cho anh là Nguyễn Nễ, tháng 2 năm Quý Dậu (1813) có chỉ triệu về kinh, được thăng hàm Cần Chánh điện học sỹ, cử đi sứ Trung Quốc với tư cách là Tuế công Chánh sứ. Tháng 4 năm Giáp Tuất (1814), Nguyễn Du trở về nước, có tập thơ “*Bắc Hành tạp lục*” và được vua Gia Long thăng chức Hữu Tham tri bộ Lễ (hàm Tam phẩm). Mùa thu năm Kỷ Mão (1819), được cử làm Đề điệu trường thi Quảng Nam, ông dâng biểu từ chối, được chuẩn y. Tháng 8 năm Canh Thìn (1820) vua Gia Long mất, Minh Mạng lên ngôi, Nguyễn Du được cử làm Chánh sứ sang nhà Thanh báo tang và cầu phong. Tuy nhiên, chưa kịp thực hiện thì ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn (6/9/1820), Nguyễn Du bị cảm bệnh và mất tại kinh thành Huế, hưởng thọ 55 tuổi.

## **2. Sự nghiệp sáng tác**

Nguyễn Du đã để lại cho hậu thế nhiều tác phẩm văn chương bất hủ bao gồm cả chữ Hán và chữ Nôm, trong đó, sáng tác chữ Hán, bao gồm:

*Thanh Hiên thi tập* (Tập thơ của Thanh Hiên) gồm 78 bài, viết chủ yếu trong những năm tháng trước khi làm quan nhà Nguyễn. *Nam trung tạp ngâm* gồm 40 bài thơ làm từ năm 1805 đến

c cuối năm 1812, ông viết khi làm quan ở Huế, Quảng Bình và những địa phương ở phía nam Hà Tĩnh. *Bắc hành tạp lục* (Ghi chép trong chuyến đi sang phương Bắc) gồm 131 bài thơ, viết trong chuyến đi sứ sang Trung Quốc.

Sáng tác chữ Nôm, gồm có:

*Đoạn trường tân thanh* (Tiếng kêu mới về nỗi đau đứt ruột) gồm 3254 câu thơ theo thể lục bát. *Văn chiêu hồn* nguyên có tên là “Văn tế thập loại chúng sinh”, nghĩa là Văn tế mười loại người, là một ngâm khúc gồm 184 câu viết theo thể song thất lục bát. *Thác lời trai phường nón* gồm 48 câu, cũng được viết bằng thể lục bát, nội dung thay lời người con trai phường nón làm thơ tỏ tình với cô gái phường vải. *Văn tế sớ Trường Lưu nhị nữ* gồm 98 câu, viết theo lối văn tế...

### 3. Tác phẩm Truyện Kiều

Kiệt tác "Truyện Kiều" của Nguyễn Du nguyên có tên là “*Đoạn trường tân thanh*”. Đây là tác phẩm truyện thơ nôm lục bát viết dựa trên cốt truyện "Kim Vân Kiều truyện" của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc). Mượn bối cảnh xã hội Trung Quốc đời nhà Minh (*Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh*) nhưng Truyện Kiều chính là bức tranh rộng lớn về cuộc sống thời đại lúc nhà thơ đang sống. Tác phẩm gồm 3254 câu lục bát kể về cuộc đời 15 năm lưu lạc, chìm nổi của Thúy Kiều, người con gái tài sắc vẹn toàn nhưng vì gia biến phải bán mình chuộc cha, rơi vào cảnh “Thanh y hai lượt, thanh lâu hai lần”, bị các thế lực phong kiến dày xéo, chà đạp.

Về giá trị hiện thực, tác phẩm đã phơi bày bộ mặt xã hội phong kiến bất công, tàn bạo, đồng thời phản ánh nỗi khổ đau, bất hạnh của con người, đặc biệt là người phụ nữ trong xã hội Việt Nam những năm cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX.

Về giá trị nhân đạo, Truyện Kiều là tiếng nói đề cao tình yêu tự do, khát vọng công lí và ngợi ca vẻ đẹp của con người. Viết Truyện Kiều, Nguyễn Du thể hiện ước mơ đẹp đẽ về một tình yêu tự do, trong sáng, chung thủy trong xã hội mà quan niệm về tình yêu, hôn nhân còn hết sức khắc nghiệt. Mỗi tình Kim - Kiều được xem như là bài ca tuyệt đẹp về tình yêu lứa đôi trong văn học dân tộc. Truyện Kiều còn là bài ca ca ngợi vẻ đẹp của con người. Đó là vẻ đẹp của tài, sắc, tình, lòng hiếu thảo, trái tim nhân hậu, đức tính vị tha, thủy chung, chí khí anh hùng... Thúy Kiều, Kim Trọng, Từ Hải là hiện thân cho những vẻ đẹp đó. Thông qua nhân vật Từ Hải, người anh hùng hảo hán, một mình dám chống lại cả xã hội bạo tàn, Nguyễn Du còn thể hiện khát vọng công lí tự do, dân chủ giữa một xã hội bất công, tù túng.

Cùng với đó, Truyện Kiều còn là tiếng nói lên án các thế lực tàn bạo, chà đạp lên quyền sống con người. Thế lực đó được điển hình hóa qua các nhân vật như Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Tú Bà, qua bộ mặt quan tham như Hồ Tôn Hiến... Đó còn là sự tàn phá, hủy diệt của đồng tiền trong tay bọn người bất lương tàn bạo, nó có sức mạnh đổi trắng thay đen, biến con người thành thứ hàng hóa để mua bán, chà đạp.

Về giá trị nghệ thuật, Nguyễn Du đã kết hợp tài tình tinh hoa của ngôn ngữ bác học với tinh hoa của ngôn ngữ bình dân. Với Truyện Kiều, tiếng Việt và thể thơ lục bát dân tộc đã đạt tới đỉnh cao rực rỡ của nghệ thuật thi ca. Vì thế, Truyện Kiều là sự kết tinh thành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ, thể loại. Công đóng góp của Nguyễn Du về phương diện ngôn ngữ là có một không hai trong lịch sử.

Nghệ thuật tự sự trong Truyện Kiều cũng đã có bước phát triển vượt bậc, từ nghệ thuật dẫn chuyện đến nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, khắc họa tính cách nhân vật và miêu tả tâm lí con người. Nhà nghiên cứu Phan Ngọc cho rằng Truyện Kiều là cuốn tiểu thuyết tâm lý đầu tiên của văn học

Việt Nam. Trong lời tựa cuốn *Truyện Kiều* ra mắt lần đầu tiên vào năm 1820, Mộng Liên Đường chủ nhân (Nguyễn Đăng Tuyển, 1795-1880) đã viết: "... Tô Như tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hết, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trông thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt ngàn đời, thì tài nào có bút lực ấy...".

Với những giá trị to lớn ấy, hàng trăm năm nay, *Truyện Kiều* luôn được lưu truyền rộng rãi và có sức chinh phục lớn đối với mọi tầng lớp độc giả từ trí thức tới người bình dân, làm lay động trái tim của bao thế hệ người Việt Nam, là cảm hứng sáng tác cho rất nhiều những tác phẩm thi ca, nhạc họa sau này.

*Truyện Kiều* của Nguyễn Du cũng đã góp phần đưa văn học Việt Nam vượt ra khỏi bờ cõi của một quốc gia, trở thành một phần của tinh hoa của văn hóa nhân loại, ghi dấu ấn văn học Việt Nam trên thi đàn quốc tế. Với *Truyện Kiều* nói riêng và toàn bộ trước tác của Nguyễn Du nói chung, ông được các thế hệ người Việt Nam tôn vinh là Đại thi hào dân tộc, Hội đồng Hòa bình thế giới vinh danh là Danh nhân văn hóa thế giới.

Đánh giá về *Truyện Kiều*, trong Lời đầu sách Từ điển *Truyện Kiều* (1974), Giáo sư Đào Duy Anh viết: "Trong lịch sử ngôn ngữ và lịch sử văn học VN, nếu Nguyễn Trãi với *Quốc âm thi tập* là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học dân tộc thì Nguyễn Du với *Truyện Kiều* lại là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học hiện đại của nước ta. Với *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, có thể nói rằng ngôn ngữ VN đã trải qua một cuộc thay đổi về chất và đã tỏ rõ khả năng biểu hiện đầy đủ và sâu sắc... Nguyễn Du sinh quán ở Thăng Long, tổ quán ở Nghệ-Tĩnh, mẫu quán ở Bắc Ninh, đã nhờ những điều kiện ấy mà dựng lên được một ngôn ngữ có thể nói là gồm được đặc sắc của cả ba khu vực quan trọng nhất của của văn hóa nước ta thời trước".

Còn Giáo sư - Nhà giáo Nhân dân Lê Đình Ky, người được xem là "chuyên gia *Truyện Kiều*" đã có những trang văn nhận định thú vị: "*Truyện Kiều* nổi lên so với những giá trị văn học đương thời, và khiến sáng tác của Nguyễn Du gần với chúng ta ngày nay, về cả nội dung và hình thức nghệ thuật. Nhưng dù sao thì Nguyễn Du vẫn là người của thời đại mình, không thể thoát ly hoàn cảnh xã hội, lịch sử cụ thể, về cả hệ tư tưởng lẫn phương pháp nghệ thuật, thể hiện ở xu hướng lý tưởng hóa, ước lệ. Điều này khó tránh trong tình hình sáng tác chung, trong trình độ tư duy nghệ thuật chung đương thời... Trước sau *Truyện Kiều* vẫn là di sản vĩ đại, là tuyệt đỉnh của nền văn học dân tộc quá khứ. Quan điểm lịch sử cũng như đòi hỏi muôn đời của giá trị văn học đều cho phép ta khẳng định điều đó".

Hiện nay, *Truyện Kiều* đã được dịch ra hơn 30 thứ tiếng trên thế giới, trong đó tiếng Pháp có trên 10 bản dịch, tiếng Anh và tiếng Hàn Quốc trên 10 bản, tiếng Nhật 5 bản...

#### **4. Tôn vinh Đại thi hào Nguyễn Du**

Với những cống hiến của Đại thi hào Nguyễn Du cho nền văn học nước nhà và sự phát triển văn hóa của nhân loại, tháng 12/1964, tại thành phố Béclin (Đức) Hội đồng Hòa bình thế giới ra quyết nghị tổ chức kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Du (1675-1965) cùng với 8 danh nhân văn hoá trên toàn thế giới. Sau đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) đã có Chỉ thị số 112-CT/TW ngày 26/10/1965 "Về việc kỷ niệm Nguyễn Du". Đây là cột mốc lớn trong việc nghiên cứu, khẳng định và tôn vinh Nguyễn Du và *Truyện Kiều*.

Từ đó đến nay các hoạt động nghiên cứu, bảo tồn và phát huy những giá trị tác phẩm của Nguyễn Du, nhất là *Truyện Kiều* luôn được tiến hành và thu nhiều kết quả mới, nhất là vào các dịp

kỷ niệm 240, 245 năm ngày sinh của Nguyễn Du do Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Hội Nhà văn Việt Nam và tỉnh Hà Tĩnh phối hợp tổ chức.

Ngày 25/10/2013, tại kỳ họp lần thứ 37 của Đại Hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) họp ở Paris đã chính thức ban hành Quyết định số 37C/15 vinh danh Đại thi hào Nguyễn Du cùng với 107 danh nhân văn hóa toàn thế giới. Theo đó, hoạt động tôn vinh được triển khai ở Việt Nam và tại các nước trong cộng đồng UNESCO (niên độ 2014 -2015).

Ngày 15/8/2014, Văn phòng Trung ương Đảng có công văn số 8467-CV/VPTW thông báo ý kiến của Ban Bí thư về việc "Đồng ý chủ trương tổ chức Lễ kỷ niệm cấp quốc gia 250 năm Ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du, Danh nhân văn hóa thế giới trong năm 2015. Tỉnh Hà Tĩnh chủ trì tổ chức Lễ kỷ niệm; mời đại diện lãnh đạo Đảng, nhà nước dự".

Ngày 31/10/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Kế hoạch số 470/KH-UBND về Kế hoạch Kỷ niệm 250 năm Ngày sinh và vinh danh Danh nhân văn hóa Thế giới, Đại thi hào Nguyễn Du.

Hiện nay, tỉnh Hà Tĩnh đang phối hợp với các Ban, bộ, ngành, đơn vị liên quan triển khai tổ chức các hoạt động, chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức lễ vinh danh, lễ kỷ niệm 250 năm Ngày sinh, vinh danh Danh nhân văn hóa thế giới Đại thi hào Nguyễn Du vào cuối tháng 11 năm 2015.

#### **5. Di tích quốc gia đặc biệt Khu lưu niệm Nguyễn Du**

Khu lưu niệm Đại thi hào Nguyễn Du được xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt tại Quyết định số 1419/QĐ-TTg ngày 27/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ, các hạng mục chính của Khu lưu niệm bao gồm:

*Nhà thờ Nguyễn Du:* Năm 1824, Nguyễn Ngũ cùng con cháu trong dòng họ đã đưa hài cốt Nguyễn Du về quê nhà cải táng và lập đền thờ ngay trên khu vườn cũ của ông tại xóm Tiên, thôn Lương Năng (nay là thôn Thuận Mỹ). Khoảng thời gian từ năm 1934 -1935 nhà thờ bị hỏng. Năm 1940, Hội Khai trí Tiến Đức cùng con cháu họ Nguyễn Tiên Điền xây dựng nhà thờ trong khu vườn họ Nguyễn. Năm 2010, nhà thờ Đại thi hào Nguyễn Du được xây dựng mới và khánh thành vào tháng 11/2012.

*Nhà Văn thánh - Bình văn:* Văn thánh hàng huyện thờ Khổng Tử do Nguyễn Nghiễm xây dựng. Trước đây, mỗi dịp xuân về các bậc túc nho trong vùng về đây báo ơn, bình văn, đọc thơ và tổ chức lễ "cầu khoa" cầu cho con em trong vùng thành danh trên con đường khoa cử.

*Đàn tế, bia đá Nguyễn Quỳnh* (ông nội Nguyễn Du): Năm 1762, sau khi Nguyễn Nghiễm được phong Tể tướng, ông cùng em trai là Nguyễn Trọng lập đàn tế, dựng bia đá tưởng nhớ công ơn của cha mẹ.

*Mộ Đại thi hào Nguyễn Du:* Nguyễn Du lâm bệnh và mất tại Huế vào ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn (ngày 16 tháng 9 năm 1820) thọ 55 tuổi. Phần mộ đặt tại cánh đồng Bàu Đá, xã An Ninh, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Năm 1824, con là Nguyễn Ngũ và cháu là Nguyễn Thảng dời về cải táng trong vườn nhà tại xóm Tiên, thôn Lương Năng (nay là thôn Thuận Mỹ). Năm 1826, Nguyễn Ngũ dịch chuyển ra cạnh đó 500m, hai năm sau được chuyển ra khu nghĩa trang tại xứ Đồng Cù thuộc thôn Tiên Giáp. Với dự án Tôn tạo khu di tích Nguyễn Du bằng nguồn vốn CTMTQG về văn hoá (1999 -2004), khu mộ đã được xây dựng, chỉnh trang lại như hiện nay.

*Đền thờ, mộ Nguyễn Nghiễm* (1708-1776): Nguyễn Nghiễm là con trai thứ hai của Lĩnh Nam công Nguyễn Quỳnh và là thân phụ Đại thi hào Nguyễn Du. Ông là nhà chính trị, nhà

giáo dục, nhà sử học uyên bác và là người đứng đầu về con đường cử nghiệp, khoa bảng họ Nguyễn - Tiên Điền. Ông đậu tiến sỹ năm 1731, làm Tế tửu Quốc Tử Giám (1742), giữ chức Tế tướng (1762) và trong gần năm thập kỷ hoạt động trên chính trường Lê - Trịnh đã để lại nhiều trước tác có giá trị như: “Quân trung liên vịnh”, “Xuân đình tạp vịnh”, “Cổ lễ nhạc thi văn” và bài phú Nôm “Khổng Tử mộng Chu Công”... Đền thờ được xây dựng khi ông còn sống (sinh từ), thuộc thôn Bảo Khê, xã Tiên Điền và nhân dân thường gọi đây là đền “Đức Đại vương hai”. Phần mộ ông hiện nằm tại thôn Tiên Thanh xã Tiên Điền.

*Đền thờ Nguyễn Trọng* (1710 - 1789), là chú ruột của Nguyễn Du, người giỏi về văn thơ, lý số, y học. Đền thờ được xây dựng khi ông còn sống (sinh từ) ở thôn Tiên Quang, xã Tiên Điền. Kiến trúc đơn giản, nội thất còn giữ lại nhiều đồ tế khí, hoành phi câu đối có giá trị. Trước đền thờ có voi, ngựa đá, tấm bia “Tích thiện gia” và trong khuôn viên còn có mộ phần của ông.

*Khu lăng Văn Sự:* Là khu mộ tổ đời thứ 3 của họ Nguyễn - Tiên Điền, gồm mộ Nguyễn Thế - bố Nguyễn Quỳnh; Thuật Hiên công Nguyễn Khản; Phương Trạch hầu Nguyễn Ôn; Chính thất Lê Quý thị (vợ Phương Trạch hầu); Giới Hiên công Nguyễn Huệ và chính thất Nguyễn Quý Thị (vợ Nguyễn Huệ).

*Không gian văn hóa Nguyễn Du:* Xây dựng vào năm 2000, gồm Tượng đài, Thư viện Nguyễn Du, Hội trường; Nhà thờ, Nhà bảo tàng Nguyễn Du...

Hiện nay, mỗi năm Khu lưu niệm Nguyễn Du đón từ 1,8 đến 2 vạn lượt khách đến tham quan, trong đó có rất nhiều đoàn khách quốc tế, các chuyên gia, sinh viên các trường đại học đến tìm hiểu, nghiên cứu.

## **6. Một số thành tựu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hà Tĩnh- quê hương Danh nhân văn hóa thế giới, Đại thi hào Nguyễn Du - trong thời gian qua, định hướng phát triển chính trong thời gian tới.**

Phát huy truyền thống văn hóa, lịch sử của quê hương, những năm gần đây, bằng sự nỗ lực của cán bộ, nhân dân tỉnh nhà, được sự giúp đỡ của TW, các địa phương trong cả nước, các tổ chức quốc tế, tình hình kinh tế - xã hội của Hà Tĩnh đã có những bước phát triển vượt bậc và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, nhiều mặt nổi trội, có tính đột phá.

Năm 2014, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt gần 26%, thu ngân sách đạt trên 11.500 tỷ đồng; bình quân thu nhập đầu người đạt 34 triệu đồng/năm. Các dự án, công trình kinh tế lớn đảm bảo tiến độ.

*Toàn tỉnh hiện có 2 khu kinh tế lớn là Khu kinh tế Vũng Áng và Khu kinh tế Cầu Treo. Khu kinh tế Vũng Áng là 1 trong 5 khu kinh tế trọng điểm ven biển được Chính phủ đầu tư hạ tầng với diện tích là 23 ngàn ha. Khu kinh tế Cầu Treo là một trong 8 khu kinh tế biên giới của cả nước với diện tích 56 ha. Số doanh nghiệp và nhà đầu tư được cấp phép đầu tư vào cả hai khu kinh tế này là 500. Tổng số vốn đăng ký đến nay là 17 tỷ USD, trong đó giải ngân ước đạt 11 tỷ USD.*

Trong số đó, có một số nhà đầu tư lớn như:

Dự án của Tập đoàn Fomosa (Đài Loan) giai đoạn 1, đến năm 2016 với tổng số vốn là 10 tỷ USD. Bao gồm: Dự án thép, giai đoạn I là 7,5 triệu tấn; dự kiến tháng 9 năm 2015 cho ra lò mẻ sản phẩm đầu tiên khoảng 400 nghìn tấn và sẽ đạt công suất 1 triệu tấn vào cuối năm 2015, và 3,2 triệu tấn vào tháng 3 năm 2016. Nhà máy Nhiệt điện 600 MW chuẩn bị hoàn thành đưa vào vận hành khai thác. Cảng nước sâu Sơn Dương công suất giai đoạn I là 28,6 triệu tấn/ năm với 12 cầu cảng ( trong đó có một cầu cảng dịch vụ). Theo dự kiến, đến năm 2020, tổng mức đầu tư của Tập đoàn

Fomosa sẽ lên đến 20 tỷ USD, trong đó điện đạt 2300 MW, thép 22,5 triệu tấn, công suất cảng Sơn Dương đạt 84,2 triệu tấn. Đây là cảng nước sâu lớn nhất ở Việt Nam, và một trong những cảng lớn nhất khu vực Đông Nam Á. Năm 2015, tàu 20 vạn tấn và đến năm 2020 tàu 30 vạn tấn có thể ra vào cảng.

Bên cạnh đó, cảng Vũng Áng đã được nhà nước đầu tư cùng với sự tham gia của một số doanh nghiệp trong và ngoài nước. Đến năm 2016 có 8 cầu cảng công suất 15 triệu tấn, có thể đón được tàu 5 vạn tấn. Dự kiến đến năm 2020, Vũng Áng sẽ có thêm 5 cầu cảng được đầu tư đạt công suất 30 triệu tấn hàng hóa/năm. Như vậy, tổng công suất cảng Sơn Dương và Vũng Áng sẽ đạt trên 110 triệu tấn, gấp 2 lần so với cảng Hải Phòng hiện nay.

Về nhiệt điện, tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng đã đầu tư 2 tổ máy với công suất 1200 MW, trị giá 1,6 tỷ USD, đã phát điện thương mại lên lưới điện quốc gia. Hiện nay, tập đoàn Mitshumishi (Nhật Bản) đang chuẩn bị khởi công nhà máy nhiệt điện 1200 MW, tổng mức đầu tư 2,5 tỷ USD; tập đoàn Samsung (Hàn Quốc), cũng đang tích cực chuẩn bị đầu tư 1 nhà máy khác, công suất 1200 MW, tổng mức đầu tư 2,7 tỷ USD, dự kiến khởi công năm 2016.

Những dự án lớn nói trên về cảng biển, thép và nhiệt điện sẽ đưa Hà Tĩnh trở thành một trong những trung tâm Công nghiệp lớn của cả nước. Hiện tại có 6 vạn chuyên gia, công nhân và lao động làm việc tại các dự án này với 31 quốc tịch khác nhau, trong đó dự án Fomusa chiếm khoảng 4 vạn người.

*Chương trình xây dựng nông thôn mới* ngày càng đi vào chiều sâu và đạt kết quả toàn diện. Nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả cao được nhân rộng, số lượng hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực nông nghiệp tăng nhanh; có 26 xã đạt chuẩn nông thôn mới; có 08 xã đạt từ 13-18 tiêu chí, 135 xã đạt từ 7-12 tiêu chí và 65 xã đạt dưới 7 tiêu chí. Các thành phần kinh tế, doanh nghiệp, hợp tác xã phát triển mạnh, trên 6000 mô hình kinh tế tổng hợp, cho thu nhập cao được nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

*Công tác quy hoạch tiếp tục triển khai tích cực*, tỉnh đang tập trung chỉ đạo thực hiện đề án thành lập thị xã Kỳ Anh; Quy hoạch chung thành phố Hà Tĩnh và vùng phụ cận đến năm 2030, Quy hoạch xây dựng vùng phát triển đô thị Hà Tĩnh đến năm 2030 tầm nhìn 2050; lập và rà soát điều chỉnh các quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực của tỉnh. Đã phối hợp với Bộ Xây dựng và tỉnh Quảng Bình tổ chức công bố Quy hoạch vùng Nam Hà Tĩnh-Bắc Quảng Bình.

*Hoạt động đối ngoại và kinh tế đối ngoại* gắn với công tác xúc tiến đầu tư được tăng cường, mở rộng, đặc biệt là quan hệ với các tỉnh của Lào, Đông Bắc Thái Lan, với Đại sứ quán và các tổ chức, doanh nghiệp của Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Canada, Bỉ... Hiện nay toàn tỉnh có 26 chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA với tổng mức đầu tư 5.850 tỷ đồng và 28 chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn NGO; ước tính năm 2014 giải ngân nguồn vốn ODA 750 tỷ đồng, nguồn vốn NGO 50 tỷ đồng.

*Các mặt văn hóa xã hội có chuyển biến rõ rệt*. Chất lượng giáo dục toàn diện được giữ vững, giáo dục Hà Tĩnh đứng trong top 10 tỉnh dẫn đầu toàn quốc. Tỷ lệ học sinh đầu vào các trường đại học, cao đẳng ngày càng tăng, giáo dục mũi nhọn đạt kết quả tốt. Chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng cao. Mạng lưới cơ sở khám chữa bệnh được củng cố, tăng cường ở các tuyến. Công tác an sinh xã hội được quan tâm, thực hiện đầy đủ và chi trả kịp thời các chế độ, chính sách cho các đối tượng; tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 7,79%, hộ cận nghèo còn 10,77%. Hoạt động văn hóa - thể thao, thông tin truyền thông vừa phát triển theo diện rộng, vừa

nâng chất lượng chiều sâu. Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa được quan tâm và đầu tư đúng mức. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” tạo sự chuyển biến tích cực, chất lượng ngày càng được nâng cao kết hợp các tiêu chí văn hoá với phong trào xây dựng Nông thôn mới. Dân ca Ví giặm Nghệ Tĩnh được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, Ca trù được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

*Phương thức chỉ đạo điều hành tiếp tục được đổi mới*; tỉnh đã ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc Đề án 3713 về đổi mới phương thức hoạt động của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của UBND tỉnh; Cải cách hành chính được tập trung chỉ đạo và chuyển biến tích cực cả về thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, cán bộ cũng như tài chính công và ứng dụng công nghệ thông tin.

*An ninh quốc phòng được giữ vững*, đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân được giải quyết kịp thời, một số vụ việc phức tạp xảy ra trên địa bàn đã được tập trung xử lý dứt điểm, nghiêm minh, đảm bảo ổn định tình hình chung.

*Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị được chăm lo*. Khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố vững chắc. Nhân dân, cán bộ đồng thuận, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng. Hiện Hà Tĩnh đang tập trung lãnh đạo tổ chức đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 18 và Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

\*

Kế thừa và phát huy các thành tựu đã đạt được, thời gian tới, Hà Tĩnh sẽ tiếp tục chung sức, đồng lòng, nỗ lực phấn đấu, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững; thực hiện tốt mục tiêu tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh. Đa dạng hoá các hình thức thu hút đầu tư và loại hình đầu tư để tập trung phát triển khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Tập trung chỉ đạo quyết liệt nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án trọng điểm. Tiếp tục phát triển văn hoá xã hội, giáo dục, y tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng. Đảm bảo quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị- xã hội. Tiếp tục phát triển văn hoá xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Trước mắt, toàn tỉnh tập trung đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, chào mừng các ngày lễ lớn và Đại hội Đảng các cấp, phấn đấu hoàn thành xuất sắc kế hoạch, nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2015 với các chỉ tiêu chủ yếu: *thu ngân sách đạt 14,5 ngàn tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng kinh tế 24 %, thêm 23 xã về đích nông thôn mới*. Đồng thời quán triệt sâu sắc các quan điểm lớn của Đảng trong Nghị quyết 33, Hội nghị BCH TW Đảng, lần thứ 9 ( khóa XI) về *Xây dựng và phát triển nền văn hóa và con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước* với Chương trình hành động cụ thể, thiết thực, hiệu quả. Quyết tâm đưa Hà Tĩnh vươn lên tỉnh có Công nghiệp, Nông nghiệp và Dịch vụ phát triển, một trong những trung tâm công nghiệp của cả nước, xứng đáng với truyền thống quê hương Đại thi hào Nguyễn Du, Danh nhân văn hóa thế giới; quê hương Đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng; quê hương Tổng Bí thư Hà Huy Tập và quê hương Xô Viết Nghệ Tĩnh anh hùng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**